

Số: 852/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình  
Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa (giai đoạn 2)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư và xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa;*

*Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện và nguồn vốn đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa;*

*Trên cơ sở Quyết định số 8690/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện;*

*Trên cơ sở Quyết định số 11317/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020;*

*Xét đề nghị của UBND huyện Tư Nghĩa tại Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 17/4/2020 về việc thẩm định và trình phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa (giai đoạn 2) và Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại báo cáo kết quả thẩm định số 1275/SGTVT-QLCL ngày 05/6/2020,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa (giai đoạn 2), với các nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa (giai đoạn 2).

2. Thuộc dự án: Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa (giai đoạn 2).

3. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Nghĩa Hòa và Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nhà thầu lập báo cáo khảo sát và thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng công trình giao thông Quảng Ngãi.

6. Nhà thầu thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công công trình: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Thiên Phúc.

7. Chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng:

- Chủ nhiệm dự án: Ks. Đỗ Tấn Phước.
- Chủ trì khảo sát địa hình: Ks. Phan Tấn Lập.
- Chủ trì khảo sát địa chất: Ks. Đoàn Bảo Đồng.
- Chủ trì thiết kế: Ks. Trịnh Quốc Tấn.
- Chủ trì dự toán: Ks. Nguyễn Hữu Thành.

8. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

8.1. Quy mô đầu tư:

- Chiều dài tuyến  $L = 1742\text{m}$ .
- Điểm đầu: Tiếp giáp đường Quảng Ngãi - Thu Xà (địa phận xã Nghĩa Hòa).
- Điểm cuối: Tiếp giáp đường BTXM hiện trạng đã thi công vào giai đoạn 1.
- Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Thông số
1	Cấp thiết kế đường	Cấp VI đồng bằng
2	Tốc độ thiết kế	30 Km/h
3	Bề rộng nền đường	$B_n = 6,5\text{m}$
4	Bề rộng mặt đường và gia cố lề	$B_m = 5,5\text{m}$
5	Bề rộng lề đường đất	$B_l = 0,5\text{m} \times 2$
6	Độ dốc ngang mặt đường và lề gia cố	2%
7	Độ dốc ngang lề đường đất	4%
8	Độ dốc dọc lớn nhất	1,9%
9	Kết cấu mặt đường, lề gia cố	Mặt đường BTXM M350 dày 22cm
10	Kết cấu lề không gia cố	Đất đồi lu lèn K95

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Thông số
11	Tải trọng thiết kế	
11.1	Tuyến	100kN
11.2	Cầu	Hoạt tải HL93, đoàn người 300kg/m <sup>2</sup>
11.3	Cống thoát nước	H30-XB80
12	Tần suất thiết kế	
12.1	Tuyến	1%
12.2	Cầu, cống thoát nước	1%
13	Hệ thống an toàn giao thông	

### 8.2. Giải pháp thiết kế:

a) Bình đồ: Bình đồ tuyến được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp VI đồng bằng, hướng tuyến được thiết kế cơ bản tuân theo thiết cơ sở được duyệt, chỉ chỉnh tuyến tại một số vị trí cục bộ để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và mỹ quan của tuyến đường.

b) Trắc dọc: Thiết kế đường dọc cơ bản tuân theo cao độ thiết kế cơ sở được duyệt, đảm bảo được tiêu chuẩn kỹ thuật của tuyến và các điểm khống chế cao trình như điểm đầu tuyến, điểm cuối tuyến, cao độ mặt cầu và đường ngang dân sinh.

c) Trắc ngang: Thiết kế như nội dung đã đề cập tại Điều 8.1 nêu trên.

d) Nền đường:

- Đối với đoạn tuyến tận dụng mặt đường hiện trạng bằng BTXM:

+ Phạm vi nằm trong phần mặt đường cũ: Tận dụng tối đa mặt đường cũ để tăng cường kết cấu áo đường theo thiết kế.

+ Phạm vi mở rộng (nằm ngoài phần mặt đường cũ): Phạm vi nền đắp mở rộng, nền đường đắp đất lớp trên cùng đầm chặt  $K \geq 0,98$  dày 30cm đảm bảo sức chịu tải  $CBR \geq 6$ , lớp dưới đầm chặt  $K \geq 0,95$  sau khi đã bóc lớp hữu cơ; phạm vi nền đào mở rộng, đào khuôn đường đến cao độ thiết kế lu lèn lại nền đường đạt  $K \geq 0,98$ ,  $CBR \geq 6$ , nếu nền đất tự nhiên không đảm bảo yêu cầu thiết kế thì đào thay bằng 30cm đất đầm chặt  $K \geq 0,98$ . Taluy nền đào 1/1, nền đắp 1/1,5.

- Đối với đoạn tuyến đầu tư mới: Chủ yếu là nền đường đắp, nền đường đắp đất lớp trên cùng đầm chặt  $K \geq 0,98$  dày 30cm đảm bảo sức chịu tải  $CBR \geq 6$ , lớp dưới đầm chặt  $K \geq 0,95$  sau khi đã bóc lớp hữu cơ. Taluy nền đào 1/1, nền đắp 1/1,5.

e) Mặt đường và lề gia cố: Kết cấu lần lượt từ trên xuống như sau:

- Đối với phần mặt đường trên mặt đường cũ: Lớp mặt BTXM M350 dày 22cm, lớp giấy dầu tạo phẳng chống thấm, lớp bù vênh.

- Đối với mặt đường phần mở rộng và đường làm mới: Lớp mặt BTXM M350 dày 22cm, lớp giấy dầu tạo phẳng chống thấm, lớp móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm.

f) Nút giao thông: Thiết kế các nút giao thông cùng mức, đảm bảo tầm nhìn, bán kính thiết kế theo thiết kế cơ sở được duyệt.

g) Hệ thống thoát nước:

- Mương thoát nước dọc: Thiết kế mương hộp có kích thước (1,4x1,2)m, đổ tại chỗ, bằng BTCT M200; đoạn chuyển tiếp dài  $L = 5\text{m}$ , bằng BTCT M200; đoạn nối tiếp cống qua đường bằng cống hộp kích thước  $B \times H = (2 \times 1)\text{m}$ , chiều dài  $L = 4,8\text{m}$ , bằng BTCT M300.

- Thoát nước ngang: Trên tuyến thiết kế mới: 02 cống  $\varnothing 50$ , 1 cống  $\square(0,75 \times 0,75)\text{m}$ ; thiết kế nối cống: 1 cống  $\varnothing 100$ , 1 cống  $\square(0,5 \times 0,6)\text{m}$ , 1 cống  $\varnothing 50$ , 1 cống  $2\square(1 \times 1)\text{m}$ ; hoàn trả đoạn kênh thủy lợi bằng 01 cống hộp  $B \times H = (1,4 \times 1)\text{m}$ . Kết cấu như sau: Cống tròn bằng BTLT M300, cống vuông bằng BTCT M250, cống hộp đổ tại chỗ bằng BTCT M300; móng thân cống, tường đầu, tường cánh, hố thu, móng tường đầu, móng tường cánh; sân cống và tường chắn tại vị trí cống bằng bê tông M150.

- Cầu Xóm Đồng:

+ Sơ đồ nhịp:  $3 \times 18\text{m}$ ; Chiều dài cầu (từ đuôi mố)  $L_c = 64,2\text{m}$ , khổ cầu  $B = 0,5 + 6 + 0,5 = 7\text{m}$ .

+ Kết cấu thượng bộ: Dầm bản bằng BTCT DƯL 40MPa; chiều cao dầm  $h = 0,65\text{m}$ ; mỗi nhịp bố trí 07 dầm; bản mặt cầu bằng BTCT 30MPa; Gối cầu bằng cao su lõi thép; khe co giãn bằng thép; lan can, tay vịn bằng ống thép mạ kẽm.

+ Kết cấu hạ bộ:

- Mố dạng mố tường bằng BTCT 30MPa; Móng mố bằng BTCT 30Mpa đặt trên nền cọc đóng kích thước (40x40)cm, mỗi mố bố trí 15 cọc.

- Trụ cầu dạng trụ đặc thân hẹp, thân trụ, móng trụ, xà mũ trụ bằng BTCT 30Mpa, móng trụ đặt trên nền cọc đóng kích thước (40x40)cm, mỗi trụ bố trí 18 cọc.

i) Hệ thống an toàn giao thông: Hệ thống an toàn giao thông trên tuyến được thiết kế đảm bảo các yêu cầu quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2019/ BGTVT.

8.3. Bảo vệ môi trường sinh thái, phòng chống cháy nổ và an toàn lao động: Có thuyết minh giải pháp bảo vệ môi trường trên các tuyến, thiết kế phòng chống cháy nổ và an toàn lao động trong thi công đảm bảo yêu cầu.

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **28.421.817.000 đồng.**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	19.942.963.000 đồng.
- Chi phí bồi thường, GPMB:	4.600.000.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	466.705.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.359.588.000 đồng.
- Chi phí khác:	918.189.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	1.134.372.000 đồng.

**Điều 2.** Căn cứ Quyết định này, Chủ đầu tư có trách nhiệm:

1. Căn cứ vào khối lượng và biện pháp thi công thực tế, các chế độ chính sách hiện hành làm cơ sở quản lý, nghiệm thu thanh toán theo đúng qui định của pháp luật về xây dựng; quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi dự toán công trình được duyệt.

2. Chủ đầu tư chỉ được triển khai thực hiện đầu tư các hạng mục công trình trong phạm vi kế hoạch vốn đã giao cho Dự án và kế hoạch vốn bổ sung (nếu có).

3. Thực hiện các nội dung kiến nghị nêu tại Kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của Sở Giao thông vận tải số 1275/SGTVT-QLCL ngày 05/6/2020.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, TH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.npb.240.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Tăng Bính*  
**Nguyễn Tăng Bính**